



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 38 + 39

Ngày 01 tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-12-2025	Quyết định số 35/2025/QĐ-CTUBND ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	03
30-12-2025	Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	15
31-12-2025	Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND về ban hành Quy định quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	19

- 31-12-2025 Quyết định số 38/2025/QĐ-UBND về phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

30

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 26-11-2025 Quyết định số 2923/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

34

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2025/QĐ-CTUBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 143/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng

dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1377-CV/ĐU ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5430/TTr-SGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2025;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Diệu Thúy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành
thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý
nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2025/QĐ-CTUBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân Thành phố) trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Giáo dục và Đào tạo; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

2. Các hoạt động phối hợp được triển khai thực hiện đồng bộ, thường xuyên, kịp thời nhằm tăng cường hiệu quả chung của công tác quản lý nhà nước; đồng thời nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Đảm bảo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Đảm bảo việc phối hợp thực hiện trên tinh thần trách nhiệm, tôn trọng, đoàn kết, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của mỗi bên và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đối với những vấn đề còn ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền phải báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

5. Thông tin, tài liệu, dữ liệu do cơ quan phối hợp cung cấp được sử dụng đúng mục đích cho công tác quản lý nhà nước đối với cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố, (không lợi dụng thông tin được cung cấp phục vụ các mục đích không đúng quy định).

6. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm xuyên suốt về chất lượng, tiến độ tham mưu và đảm bảo tuân thủ đúng quy định; chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp cơ quan, đơn vị có liên quan không phối hợp, chậm phối hợp theo đề nghị thì Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bằng văn bản để xem xét, quyết định.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm xác định rõ đối tượng, nội dung cần phối hợp và gửi đầy đủ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị phối hợp, chỉ thực hiện phối hợp với cơ quan, tổ chức và đối tượng liên quan đến nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện, tránh tình trạng phối hợp dàn trải với nhiều cơ quan, đơn vị không liên quan.

8. Các cơ quan, đơn vị phối hợp chịu trách nhiệm trả lời đầy đủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ, có chính kiến, đảm bảo thời hạn theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo của cơ quan cấp trên, không đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, đúng thời hạn về những nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị mình và những vấn đề liên quan khác (nếu có); nếu quá thời hạn mà không trả lời hoặc chậm trả lời thì được xác định là đồng ý với ý kiến đề xuất của đơn vị lấy ý kiến và phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với nội dung có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành của cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin bằng văn bản, thư công vụ (bản điện tử)

theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo. Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời theo thời gian quy định, cụ thể: Trường hợp có quy định thời gian lấy ý kiến trong các văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, các quy trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian trả lời văn bản theo quy định đó. Trường hợp cần giải quyết các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất theo chỉ đạo của cấp trên thì thời gian trả lời văn bản theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị chủ trì, nhưng không được quá thời hạn theo chỉ đạo của cấp trên. Các trường hợp khác thì thời gian trả lời văn bản trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.

2. Tổ chức các cuộc họp liên ngành định kỳ, đột xuất; tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm dự họp hoặc nếu có lý do chính đáng không dự được thì phải cử người có thẩm quyền họp thay. Ý kiến của người họp thay là ý kiến chính thức của đơn vị. Ý kiến của các đại biểu dự họp được lập thành biên bản theo quyết định của người chủ trì cuộc họp. Đại diện đơn vị dự họp ký tên vào biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi ý kiến cụ thể trước khi ký.

3. Tổ chức công tác kiểm tra của các Tổ công tác liên ngành theo quy định.

4. Cử nhân sự phối hợp:

a) Khi phát sinh công việc cần phối hợp, bên yêu cầu phối hợp có thể đề nghị cử nhân sự tham gia phối hợp. Văn bản đề nghị gồm: mục đích, nội dung, yêu cầu phối hợp, cách thức phối hợp. Cơ quan, đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm cử nhân sự theo đúng yêu cầu và tạo điều kiện để nhân sự được cử tham gia phối hợp hoàn thành nhiệm vụ;

b) Trường hợp bên được đề nghị phối hợp không cử được nhân sự tham gia phối hợp theo yêu cầu thì phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

5. Đối với các yêu cầu phối hợp đột xuất, để đảm bảo kịp thời công tác, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có thể trao đổi trực tiếp thông qua gặp gỡ, điện thoại, email công vụ nhưng sau đó phải thực hiện bằng văn bản.

6. Tổ chức ký kết liên tịch, phối hợp hai bên hoặc nhiều bên, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên tham gia ký kết.

7. Các hình thức khác trên cơ sở thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Tham mưu, phối hợp góp ý các hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách, biện pháp về phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn Thành phố phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Xây dựng các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và người học trong các cơ sở giáo dục công lập;

c) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định;

d) Xây dựng khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật;

đ) Ban hành quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Ban hành quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị lĩnh vực giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý;

g) Phê duyệt hồ sơ về công nhận Thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3, xóa mù chữ độ 2 và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

h) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo yêu cầu, đề nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tham mưu, phối hợp góp ý các hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Ban hành các văn bản về lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

b) Phê duyệt quyết định ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố;

c) Phê duyệt quyết định cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị theo quy định của pháp luật hiện hành;

d) Phê duyệt quyết định chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Phê duyệt quyết định công bố Thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với Thành phố theo quy định;

e) Các nội dung khác để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Phối hợp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo

a) Về tài chính, tài sản cho giáo dục

Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc;

Phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền.

b) Về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động và đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo, quy định của pháp luật có liên quan và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với việc tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển đổi đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố;

Thực hiện quản lý, sử dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố và quy định của Luật Nhà giáo.

c) Về vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý.

d) Về nội dung, chương trình giáo dục

Tổng hợp nguyện vọng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn và lập báo cáo về việc đảm bảo các điều kiện và đưa tiếng dân tộc thiểu số vào dạy học và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn.

đ) Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

e) Về kiểm tra trong giáo dục

Phối hợp kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, việc tuân thủ pháp luật trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định pháp luật;

Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn Thành phố.

g) Tổ chức thực hiện quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở;

h) Hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố;

i) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Trao đổi thông tin, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, cung cấp thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

5. Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính, tham mưu giải quyết các vấn đề có liên quan phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo và các vấn đề do Ủy ban nhân dân Thành phố, lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp giải quyết công việc về lĩnh vực giáo dục và đào tạo giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo dưới sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của mình mà có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị khác, phải lấy ý kiến cơ quan, đơn vị đó. Việc lấy ý kiến có thể thông qua văn bản, họp, hội nghị do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định;

c) Khi thực hiện các nội dung phối hợp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Sở

Giáo dục và Đào tạo phải xác định rõ nội dung cần phối hợp, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện cụ thể từng nội dung;

d) Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động phối hợp làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan, trình trong thời gian sớm nhất đến Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

đ) Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chương trình hành động, kế hoạch, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố; quyết định và chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Đối với các công việc cần thiết phải ban hành các quy trình liên thông, phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình liên thông phối hợp chuyên ngành, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét ban hành;

g) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, tổng hợp danh sách báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố các cơ quan, đơn vị không phối hợp hoặc chậm phối hợp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Các cơ quan, đơn vị chủ động tham gia ý kiến với Sở Giáo dục và Đào tạo để xử lý những vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhưng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình quản lý;

b) Thủ trưởng sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện đảm bảo thời gian, nội dung được đề nghị phối hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo theo thẩm quyền của mình;

c) Phối hợp thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn đối với những nội dung thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý chuyên ngành của đơn vị mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế

này.

Điều 8. Căn cứ vào quy chế này, tùy tình hình thực tế và nhu cầu phối hợp, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xây dựng riêng Quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp.

Điều 9. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, làm đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, tổng hợp, xử lý thông tin và đôn đốc triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15);

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ban hành quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 21591/TTr-SXD-BTKT ngày 26 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 5734/BC-STP ngày 28 tháng 10 năm 2025, Công văn số 8262/STP-VB ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về việc quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

2. Quyết định này không quy định trách nhiệm quản lý đối với: Quốc lộ; đường tỉnh; đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ. Việc quản lý các loại đường này thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là cấp Thành phố).

2. Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các phòng, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là cấp xã).

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn

1. Phân loại đường địa phương (đường đô thị, đường xã, đường thôn) theo cấp quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được xác định theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cấp Thành phố quản lý (trừ địa bàn đặc khu Côn Đảo)

a) Đường đô thị cấp đô thị và đường đô thị cấp khu vực (theo QCVN 07-4:2023/BXD);

b) Toàn bộ vỉa hè trên các tuyến đường được giao quản lý;

c) Toàn bộ đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, hệ thống thu thập dữ liệu giao thông, công trình kiểm soát tải trọng xe cơ giới, bảng điện tử cung cấp thông tin giao thông có kết nối về Trung tâm điều hành giao thông đô thị trên địa bàn Thành phố;

d) Phạm vi nút giao thông giao giữa đường cấp Thành phố quản lý với đường cấp xã quản lý.

3. Cấp xã (trừ đặc khu Côn Đảo) quản lý theo ranh giới hành chính

- a) Đường đô thị cấp nội bộ (theo QCVN 07-4:2023/BXD);
- b) Đường xã, đường thôn;
- c) Toàn bộ vỉa hè trên các tuyến đường được giao quản lý.

4. Đặc khu Côn Đảo quản lý toàn bộ đường đô thị, đường xã, đường thôn (bao gồm cả vỉa hè) trên địa bàn đặc khu Côn Đảo.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan quản lý đường bộ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Quyết định này có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị giao quản lý (hoặc điều chuyển) tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao quản lý (hoặc điều chuyển) tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về sử dụng, quản lý tài sản công, pháp luật về đường bộ và các văn bản pháp lý khác liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi về cấp quản lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quyết định này, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền chưa quyết định giao quản lý (hoặc điều chuyển) tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo Quyết định này, các đơn vị đang quản lý có trách nhiệm tiếp tục thực hiện công tác quản lý, vận hành và bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, Thủ trưởng các Sở,

ban, ngành Thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy định quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh

vực quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3341/TTr-SNV ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Tờ trình số 12271/TTr-SNV ngày 29 tháng 12 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3728/BC-STP ngày 26 tháng 5 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định Quy định quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành văn bản

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về nguyên tắc, nội dung, quản lý nhà nước về Hội - Quỹ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức có liên quan (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) đối với công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý nhà nước về Hội - Quỹ

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về Hội - Quỹ; bảo đảm biện pháp phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tuân thủ các quy định của pháp luật; tôn trọng các quyền của các tổ chức Hội - Quỹ theo quy định của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Nghị định số 136/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội,

quỹ từ thiện và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến Hội - Quỹ và quản lý nhà nước về Hội - Quỹ; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Nội vụ.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Hội - Quỹ theo thẩm quyền và theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI - QUỸ

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước về Hội - Quỹ

1. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, thủ tục đối với Hội - Quỹ và các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về Hội - Quỹ tại địa phương.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho Hội - Quỹ hoạt động trên địa bàn Thành phố phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

4. Cập nhật cơ sở dữ liệu Hội - Quỹ theo phân cấp quản lý; phối hợp trong xây dựng, vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về Hội - Quỹ hoạt động trên địa bàn Thành phố.

5. Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với tổ chức Hội - Quỹ để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tổ chức Hội - Quỹ; lắng nghe ý kiến, kiến nghị, đề xuất của tổ chức Hội - Quỹ để kịp thời chỉ đạo giải quyết, xử lý những khó khăn, bất cập, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ; tham vấn ý kiến của các tổ chức Hội - Quỹ về các vấn đề liên quan cần giải quyết đối với công tác Hội - Quỹ.

6. Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về Hội - Quỹ tại địa phương.

7. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với Hội - Quỹ, cá nhân có thành tích trong hoạt động của Hội - Quỹ ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

8. Tổng hợp, báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước, báo

cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật đối với Hội - Quỹ; chủ trì sơ kết, tổng kết công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ tại địa phương.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phối hợp tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về Hội - Quỹ; giải quyết kịp thời nhu cầu chính đáng của tổ chức Hội - Quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với những nội dung phối hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan chủ trì kịp thời gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện theo đúng thời gian quy định của pháp luật. Ý kiến của các cơ quan, đơn vị phải nêu rõ thống nhất hoặc không thống nhất, trường hợp không thống nhất phải nêu rõ lý do và gửi đến cơ quan chủ trì theo đúng thời gian quy định. Nếu quá thời gian mà các cơ quan, đơn vị không có ý kiến thì được xem là đồng ý và phải chịu trách nhiệm về nội dung công việc được đề nghị phối hợp. Nếu có ý kiến chưa đồng thuận giữa các cơ quan, đơn vị thì cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm báo cáo và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Phối hợp trong công tác kiểm tra các hoạt động của Hội - Quỹ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước; giải quyết, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm trong các tổ chức Hội - Quỹ theo thẩm quyền và theo quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình hoạt động của Hội - Quỹ thuộc sự quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hoạt động chính của Hội - Quỹ.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ

a) Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương về Hội - Quỹ. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý nhà nước về Hội - Quỹ cho các cơ

quan, đơn vị trên cơ sở bám sát nội dung hướng dẫn của Trung ương và nhiệm vụ chính trị của Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đến công tác Hội - Quĩ.

b) Rà soát, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật đối với Hội - Quĩ thuộc chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

c) Tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố giao biên chế cho các Hội Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trên địa bàn Thành phố theo quy định.

d) Thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và trình phê duyệt Điều lệ Hội - Quĩ.

đ) Tham mưu Quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội hoạt động trong phạm vi Thành phố sau khi có ý kiến của các sở, ban, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực chính mà Hội dự kiến hoạt động.

e) Xem xét, cho phép gia hạn thời gian tổ chức Đại hội thành lập, Đại hội nhiệm kỳ; cho phép tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường; ban hành văn bản thông báo việc tổ chức Đại hội của Hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội đối với tổ chức Hội hoạt động trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có ý kiến đồng thuận của các sở, ban, ngành quản lý nhà nước về lĩnh vực chính mà Hội hoạt động.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh; Quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập, hoạt động tại xã, phường, đặc khu.

h) Chủ trì việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hội - Quĩ. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, quản lý, khai thác dữ liệu thống kê về Hội - Quĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

i) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành

phổ tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các tổ chức Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tham vấn ý kiến của các tổ chức Hội - Quỹ về các vấn đề có liên quan đối với công tác Hội - Quỹ.

k) Tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Nội vụ tổ chức. Đồng thời chủ trì tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

l) Xây dựng cơ sở dữ liệu về Hội - Quỹ; phối hợp trong vận hành và quản lý cơ sở dữ liệu về Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

m) Tham mưu Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình tổ chức, hoạt động của các tổ chức Hội - Quỹ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với Hội - Quỹ.

n) Khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ của Thành phố.

o) Chủ trì sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Nội vụ, Chính phủ, Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình thực hiện các quy định của pháp luật đối với Hội - Quỹ.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; ngoài chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, đề nghị các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức Hội - Quỹ trong việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn đối với Hội - Quỹ thuộc chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

b) Bố trí công chức có đủ phẩm chất và năng lực làm đầu mối tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc ban hành và thực hiện cơ chế chính sách đối với Hội - Quỹ trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường và phê duyệt Điều lệ của các Hội; các thủ tục liên quan đến hoạt động, quản lý Quỹ thuộc quản lý nhà nước về lĩnh vực Hội - Quỹ dự kiến hoạt động.

d) Cung cấp các thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình công tác và phương hướng phát triển của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương để Hội - Quỹ có cơ sở định hướng và xây dựng Kế hoạch hoạt động của các Hội - Quỹ Thành phố; tạo điều kiện, khuyến khích hoạt động của các tổ chức Hội - Quỹ gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và của địa phương.

đ) Phối hợp Sở Nội vụ thu thập dữ liệu thống kê về Hội - Quỹ Thành phố thuộc phạm vi, quyền hạn theo quy định. Hằng năm rà soát, lập danh sách những tổ chức Hội - Quỹ Thành phố thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương được thành lập không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết.

e) Có ý kiến bằng văn bản với các cơ quan chức năng về việc tiếp nhận tài trợ của các tổ chức cá nhân trong, ngoài nước theo quy định của pháp luật và những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội - Quỹ.

g) Phối hợp với các cơ quan cơ chức năng có liên quan kiểm tra việc sử dụng và quản tài chính của các tổ chức Hội - Quỹ, bảo đảm việc sử dụng tài chính đúng mục đích đã đề ra.

h) Kiểm tra, giám sát công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ ở các cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

i) Định kỳ báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và đột xuất (khi cần thiết) về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý của các tổ chức Hội - Quỹ thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương cho Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hoạt động cho các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trên địa bàn Thành phố trên cơ sở biên chế được giao và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Tham gia có ý kiến, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hỗ trợ kinh phí đối với tổ chức Hội có phạm vi hoạt động cấp Thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan trong việc hướng dẫn, kiểm

tra nội dung liên quan đến sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (nếu có) của các tổ chức Hội - Quỹ có phạm vi hoạt động cấp Thành phố theo quy định của pháp luật.

d) Thực hiện báo cáo tình hình hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức Hội có phạm vi hoạt động cấp Thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đối với việc tiếp nhận viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo quy định.

4. Công an Thành phố

Thực hiện việc giải quyết thủ tục con dấu, đăng ký mẫu dấu các tổ chức Hội - Quỹ được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, rà soát, thu hồi, cấp đổi mẫu dấu mới theo quy định hiện hành. Phối hợp các ngành có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng con dấu của các tổ chức Hội - Quỹ theo quy định.

5. Các Báo, Đài Thành phố có trách nhiệm

a) Phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành Thành phố thống nhất trong công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Thành phố về hoạt động Hội - Quỹ; giới thiệu Hội - Quỹ có hoạt động tốt, đúng Điều lệ và quy định của pháp luật, có nhiều thành tích đóng góp cho các phong trào của Thành phố.

b) Không đưa tin có liên quan đến hoạt động của các tổ chức Hội - Quỹ không được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã theo quy định; cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; mở rộng phạm vi hoạt động quỹ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cấp lại giấy phép thành lập; công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung; thu hồi giấy phép thành lập đối với quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã; trừ trường hợp quỹ

có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản thành lập.

2. Tổ chức triển khai hướng dẫn các văn bản hướng dẫn của Thành phố thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về Hội - Quỹ; tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với Hội - Quỹ thuộc chức năng quản lý nhà nước tại địa phương.

3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Hội - Quỹ, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý nhà nước về Hội - Quỹ cho cán bộ, công chức làm công tác Hội - Quỹ tại địa phương.

4. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với Hội - Quỹ hoạt động trong phạm vi xã.

5. Phân công, bố trí cán bộ, công chức cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Hội - Quỹ tại địa phương.

6. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi xã, phường, đặc khu.

7. Đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội - Quỹ tại địa phương.

8. Chủ trì sơ kết, tổng kết công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ địa phương và thực hiện chế độ báo cáo, thống kê dữ liệu về Hội - Quỹ tại địa phương theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Quyết định này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về Hội - Quỹ, định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ).

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện năm, giai đoạn theo quy định của Bộ Nội vụ.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu các quy định trong văn bản này được

thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng các quy định theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định hiện hành.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi
giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép
lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 6277/TTr-SNV ngày 07 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 9691/TTr-SNV ngày 22 tháng 11 năm 2025; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4387/BC-STP ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định về phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm

việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

d) Người sử dụng người lao động nước ngoài bao gồm doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà thầu, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Nội vụ, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nội dung:

1. Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người sử dụng người lao động nước ngoài hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ngoài khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao.

2. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người sử dụng người lao động nước ngoài trong khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người sử dụng người lao động nước ngoài trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp.
2. Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được phân cấp quy định tại Điều 2 Quyết định này. Việc thực hiện các công việc được phân cấp phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được phân cấp và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định khi được phân cấp.

2. Được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện nội dung được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp.

4. Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này.

5. Quản lý, hướng dẫn người sử dụng lao động thực hiện các quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

6. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về việc tuyển dụng, quản lý người lao động nước ngoài đối với người sử

dụng người lao động nước ngoài thuộc phạm vi được phân cấp.

7. Chấp hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra về các nội dung được phân cấp.

8. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất báo cáo về tình hình người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phạm vi được phân cấp. Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh làm đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Nội vụ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Nội dung ủy quyền tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn Thành phố thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2923/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4902/TTr-SGDĐT ngày 21 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **55** thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm: 46 thủ tục cấp tỉnh (trong đó có 42 thủ tục mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và 04 thủ tục bị bãi bỏ); 09 thủ tục cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính nội bộ tại:

- Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 2260/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
I. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên					
1		Thủ tục đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập cấp xã”	- Các xã, phường, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã đến đến Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 28 tháng 02 của năm sau liền kề năm đánh giá. - Thời gian hoàn thành việc đánh giá, công nhận đơn vị đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã trước ngày 31 tháng 3 của năm sau liền kề năm đánh giá.	- Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	- Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh. - Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
II. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân					
1		Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Không quy định	- Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
I. Lĩnh vực Giáo dục dân tộc					

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
1		Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	15 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)		dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo	142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3		Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4		Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú	20 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: các cơ quan liên quan - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5		Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giáo dục và Đào tạo	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6		Thủ tục chấp thuận việc dạy và học tiếng nói, chữ viết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên		nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
II. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp					
1		Thủ tục cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiep, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường	16 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		trung cấp công lập		thẩm quyền tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan chủ quản đề nghị chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3		Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan chủ quản đề nghị giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					dục nghề nghiệp. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4		Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan chủ quản đề nghị chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5		Thủ tục đổi tên trung tâm giáo	03 ngày làm việc	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan chủ quản đề nghị	- Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Cơ quan tiếp nhận: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Giáo dục và Đào tạo.
6		Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: Trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng. - Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7		Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: Trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng. - Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8		Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: Trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 15/2021/TT-

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
				nhân dân cấp tỉnh	BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
9		Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: + Trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Trường trung cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan thực hiện: + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp. - Thông tư 08/2023/TT-

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
				cấp tỉnh; + Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10		Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: + Trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Trường trung	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
				cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan thực hiện: + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp. - Thông tư 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11		Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Đối tượng thực hiện: + Trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Trường trung cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cơ quan thực hiện: + Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; + Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thủ tục hành chính đối với trường trung cấp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	- Luật Giáo dục nghề nghiệp. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. - Thông tư số 14/2021/TT-BLDTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường trung cấp. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên					
1		Thành lập	15 ngày, kể	- Đối tượng thực	- Nghị định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	- Đối tượng thực hiện: Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
				thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3		Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4		Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Giáo dục và Đào tạo.
5		Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6		Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trung tâm	- Đối tượng thực hiện: Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập hoạt động trở lại		công lập - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7		Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8		Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo	- Đối tượng thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo - Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ - Cơ quan tiếp nhận: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IV. Lĩnh vực Chế độ, chính sách đối với nhà giáo

1		Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng II	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên trung học phổ thông hạng III - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT
---	--	--	--	---	--

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Xét thăng hạng giáo viên trung học phổ thông hạng I	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên trung học phổ thông hạng II - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng I	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Giáo dục và Đào tạo.
3		Xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4		Xét thăng	35 ngày kể	- Đối tượng thực	- Luật Viên chức;

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		hạng giáo viên trung học cơ sở hạng I	từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	hiện: Giáo viên trung học cơ sở hạng II - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT- BGDĐT, 02/2021/TT- BGDĐT, 03/2021/TT-

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5		Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng II	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên tiểu học hạng III - Cơ quan thực	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II	Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6		Xét thăng hạng giáo viên tiểu học hạng I	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên tiểu học hạng II - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng I	115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7		Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng II	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên mầm non hạng III. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp, ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II.	của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm,

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8		Xét thăng hạng giáo viên mầm non hạng I	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng	- Đối tượng thực hiện: Giáo viên mầm non hạng II - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp,	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			đầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng I	và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; - Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT- BGDĐT, 02/2021/TT- BGDĐT, 03/2021/TT- BGDĐT, 04/2021/TT- BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; - Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
9		Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm chính (hạng II)	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có	- Đối tượng thực hiện: Giảng viên trong các trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị được Ủy ban	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền	85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập; - Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT- BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10		Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao đẳng sư phạm cao cấp (hạng I)	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng đầu cơ quan,	- Đối tượng thực hiện: Giảng viên trong các trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền	- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập; - Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11		Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, người đứng	- Đối tượng thực hiện: Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người đứng	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			đầu cơ sở giáo dục đại học hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	đầu cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền	và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT- BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số,

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
12		Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I)	35 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển,	- Đối tượng thực hiện: Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Viên chức; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển.	hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền	tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; - Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT- BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; - Thông tư số 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
V. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân					
1		Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh	Không quy định	- Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/NĐ-CP. - Quyết định số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		vực giáo dục - đào tạo trong các cơ quan, đơn vị (thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp chính quyền địa phương)		quyền ban hành; cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg và Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT. - Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, người có thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg và Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT.	50/2017/Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; - Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ GDĐT hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
2		Công nhận thư viện trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1	Không quy định	- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện; - Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3		Công nhận thư viện trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp	Không quy định	- Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		học (cấp học cao nhất là THPT) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2		và Đào tạo.	điều của Luật Thư viện; - Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ bị bãi bỏ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên VB quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
I. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo			
1		Lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông	- Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên VB quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
			dục và Đào tạo.
2		Điều chỉnh, bổ sung danh mục lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông	- Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
II. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên			
1		Đề nghị đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp huyện	- Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
1		Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số thông tư do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đình chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên VB quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ
			và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
I. Lĩnh vực Giáo dục dân tộc					
1		Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)	- Trường hợp không hợp lệ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ. - Trường hợp hợp lệ: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (Đối	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của trường	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc nội trú trung	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)		học cơ sở - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3		Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			cho cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập trường. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4		Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho nhà trường trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc bán trú - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5		Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của nhà trường	- Đối tượng thực hiện: Trường phổ thông dân tộc bán trú - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6		Sáp nhập, chia, tách trường phổ	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức	- Luật Giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
		thông dân tộc bán trú	thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan đề nghị sáp nhập, chia, tách trường. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7		Giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản những nội dung cần chỉnh sửa cho cơ quan đề nghị sáp nhập,	- Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Luật Giáo dục; - Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
			chia, tách trường. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. Lĩnh vực Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

1		Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1	Không quy định	- Đối tượng thực hiện: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện; - Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tạo ban hành Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức
---	--	--	----------------	---	--

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2		Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2	Không quy định	- Đối tượng thực hiện: Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	- Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện; - Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông; - Thông tư 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục. - Quyết định số 2827/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng

Stt	Mã số TTHC NB	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian giải quyết	Cơ quan thực hiện	Tên VB quy định thủ tục hành chính nội bộ
					Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: [ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:ttc.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>